

Bản án số: **69** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2021.

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Quách Trung Sơn**.

+ Ông **Lý Minh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 726/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Hồng C**, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

ĐKHKT: Ấp Z, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phan Thị Hồng C trình bày:

- Chị với anh Nguyễn Thành N cưới nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang tháng 4/2020. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên: Nguyễn Phan Thành K, sinh ngày 20/5/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng từ khi

ly hôn đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được. Tại phiên tòa hôm nay chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Phần trình bày của bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Thành N dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị C và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Thành N. Anh N có địa chỉ tại ấp Z, xã X, huyện Y, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Nguyễn Thành N dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị C và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về qua hệ hôn nhân: Chị C và anh N cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y tháng 4/2020. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì ly thân cho đến nay. Theo chị C khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nên anh chị ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Xét thấy chị C với anh N cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tháng 4/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến tháng 9/2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị C cương quyết ly hôn, còn anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị C, xem như anh N từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C cho chị được ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một người con chung tên: Nguyễn Phan Thành K, sinh ngày 20/5/2020. Khi ly hôn chị C có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị C là người trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác con

chung anh chị đến nay chưa được 01 tuổi. Do đó xét thấy cần giao con chung của anh chị cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị C: Nhận thấy Nguyễn Phan Thành K là con chung của anh chị, khi ly hôn giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng thì anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay chị C yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp với mức lương cơ bản ngày một tăng và phù hợp với giá cả thị trường hiện nay nên được cấp nhận. Do đó cần buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị tên Nguyễn Phan Thành K, sinh ngày 20/5/2020 mỗi tháng 1.500.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung anh chị trưởng thành lao động được là phù hợp Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N không có ý kiến gì về tài sản. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N phải chịu án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Hồng C.

- Cho chị Phan Thị Hồng C được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Phan Thành K, sinh ngày 20/5/2020 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N được quyền thăm nom chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

- Buộc anh N cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị tên Nguyễn Phan Thành K, sinh ngày 20/5/2020 mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung anh chị trưởng thành và lao động được.

- Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004381, ngày 16 /11/2020 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh Nguyễn Thành N phải chịu 300.000đ áp phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã X, huyện Y;
- Dương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG